TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 29-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Tấn L, sinh ngày 03/3/2005, tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn Đ, sinh năm 1983 (chết) và bà Đỗ Thị Bích L1, sinh năm 1979; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong án phạt tù ngày 30/8/2022 (khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 04/8/2021 L mới 16 tuổi 05 tháng 01 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự nên không có án tích); tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại (đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An trong vụ án khác) và có mặt tại phiên toà.

2. Lương Văn H, sinh năm 2000 tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Thanh S, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Ngọc D, sinh

năm 1983; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" và ngày 21/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong án phạt tù ngày 20/01/2023; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại (đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Long An trong vụ án khác) và có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Trần Văn T1, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.
2. Đỗ Thị Bích L1, sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*
1. Trần Thị Kim H1, sinh năm 1996 (vắng mặt).
2. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970 (vắng mặt).
3. Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 10 phút ngày 22/6/2023, Đỗ Tấn L, Lương Văn H đến nhà người bạn tên N tại phường A, thành phố H chơi nhưng không gặp N nên L rủ H đi xã A, huyện T chơi, H đồng ý và điều khiển xe môtô biển số 66H1-365.46 loại Sirius (xe của L) chở L đi trên tuyến Quốc lộ C hướng từ thành phố H đi xã A, huyện T. Khi đến ấp A, xã A, huyện T phát hiện bà Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, trên cổ có đeo sợi dây chuyền nên L kêu H quay đầu xe, L và H nảy sinh ý định cướp giật dây chuyền nên cả hai quay đầu xe. H điều khiển xe phía sau xe bà T, khi cách chợ A1 khoảng 200 mét, H điều khiển xe vượt lên, L dùng tay phải giật dây chuyền vàng 18K, kiểu mắc khúc, trọng lượng 20 chỉ và mặt dây chuyền vàng 18K, kiểu hình tròn trọng lượng vàng 03 chỉ, làm bà T và xe mô tô ngã xuống đường. Sau đó, H điều khiển xe chở L nhanh chóng tẩu thoát, đến nhà Nguyễn Văn N1 tại khóm A, phường A, thành phố H. Khi cách nhà N1 khoảng 50 mét, sợ bị phát hiện nên bỏ xe mô tô trong vườn và đi bộ đến nhà N1, L nói mới giật sợi dây chuyền, nhờ N1 bán dùm, N1 đồng ý, lấy dây và mặt dây chuyền điều khiển xe đi. Khoảng 10 phút sau đi về đưa cho L và nói bán được 46.500.000 đồng, cho người khác 1.500.000

đồng. Có tiền, L giữ 25.000.000 đồng, đưa cho H 20.000.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Đối với xe mô tô biển số 66H1-365.46, lúc 20 giờ 40 phút ngày 22/6/2023 trong lúc tuần tra Công an phường A, thành phố H phát hiện xe đang đậu tại khu đất trống thuộc khóm A, phường A không có người trông giữ nên tiến hành tạm giữ.

Đến ngày ngày 29/6/2023 các bị cáo L và H cùng đồng phạm tiếp tục cướp giật tài sản của người khác tại huyện T, tỉnh Long An. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Long An khởi tố vụ án, khởi tố các bị cáo, tạm giam về tội cướp giật tài sản. Xét thấy, vụ án xảy ra tại huyện T, ngoài hành vi cướp giật tài sản các bị cáo L và H khai Nguyễn Văn N1 biết tài sản bán dùm là tài sản cướp giật mà có, Cơ quan điều tra truy tìm Nguyễn Văn N1 nên không chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An để nhập vụ án được.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 66H1-365.46, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, màu đen, số khung RLCUE171KY285733, số máy E3T6E423743, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong xe, xe do ông Trần Văn T1 đứng tên chủ sở hữu, ông T1 bán xe cho Lê Văn A chưa sang tên, A bán xe cho Đỗ Thị Bích L1 (mẹ L). Xét thấy, bà L1 không biết việc L sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện cướp giật nên không xem xét xử lý bà L1, đề nghị trả xe mô tô biển kiểm soát 66H1-365.46 cho Đỗ Thị Bích L1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 226/KL-ĐGTS ngày 31/8/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, kiểu mắc khúc, trọng lượng 20 chỉ, giá trị định giá là 3.285.000 đồng/01 chỉ (làm tròn), 20 chỉ x 3.285.000 đồng/01 chỉ = 65.700.000 đồng; 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18K, kiểu hình tròn, trọng lượng vàng 03 chỉ, giá trị định giá là 3.285.000 đồng/01 chỉ (làm tròn), 03 chỉ x 3.285.000 đồng/01 chỉ = 9.855.000 đồng. Tổng cộng: 65.700.000 đồng + 9.855.000 đồng = 75.555.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 11/CT-VKSTN ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố các bị cáo Đỗ Tấn L và Lương Văn H phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố các bị cáo L và H về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Đỗ Tấn L, phạm tội "Cướp giật tài sản" mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Văn H, phạm tội "Cướp giật tài sản" mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo L và H liên đới bồi thường số tiền 71.555.000 đồng cho bà T.

Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển kiểm soát 66H1-365.46, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, màu đen, số khung RLCUE171KY285733, số máy E3T6E423743 do ông Trần Văn T1 đứng tên chủ sở hữu đã bán xe và đồng ý sang tên cho bà L1 nên đề nghị giao trả xe cho bà L1.

Các vấn đề khác: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

Bị cáo Đỗ Tấn L: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Cướp giật tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên. Đối với số tiền 4.000.000 đồng bị cáo đã tác động bà L1 bồi thường khắc phục hậu quả cho bà T, bị cáo không yêu cầu bị cáo H trả lại. Về trách nhiệm dân sự đồng ý liên đới cùng H bồi thường số tiền 71.555.000 đồng cho bà T. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lương Văn H: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Cướp giật tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo chưa có tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bà T. Về trách nhiệm dân sự đồng ý liên đới cùng L bồi thường số tiền 71.555.000 đồng cho bà T. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L1 trình bày: Vào ngày 21/6/2023, bị cáo L hỏi mượn xe môtô của bà để về quê tại tỉnh Đồng Tháp, xe mang biển kiểm soát số 66H1-365.46 loại Sirius, ngày 22/6/2023 L điều khiển xe đi cướp giật tài sản tại xã A, huyện T bà hoàn toàn không biết. Đối với chiếc xe mô tô trên bà mua lại của Lê Văn A, không có làm giấy tờ mua bán, A có nói xe A mua của chủ xe là ông Trần Văn T1 và kêu bà L1 đến gặp ông T1 để làm giấy tờ sang tên, đăng ký quyền sở hữu. Bà L1 có đến gặp ông T1, ông T1 thừa nhận có bán xe cho A và hứa sẽ sang tên quyền sở hữu xe cho bà L1. Hiện nay, bà L1 không biết ông A ở đâu, bà L1 đi làm thuê, không có công việc ổn định, ở nhà thuê, hoàn cảnh gia đình khó khăn chỉ có chiếc xe là tài sản, phương tiện đi lại nên bà yêu cầu được nhận lại xe. Ngoài ra, quá trình điều tra,

bà có bồi thường số tiền 4.000.000 đồng cho bà T thay cho bị cáo L, do bà tự nguyện cho L số tiền này nên không yêu cầu bị cáo L trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 và người làm chứng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, yêu cầu trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông T1, H1, H2, C theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh cùng ngày 29/8/2023 của Công an huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số: 226/KL-ĐGTS ngày 31/8/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 10 phút ngày 22/6/2023, bị cáo H điều khiển xe môtô biển số 66H1-365.46 loại Sirius chở bị cáo L ngồi phía sau xe đi trên tuyến đường Quốc lộ 30 hướng từ thành phố H đi xã A, huyện T. Khi đến ấp A, xã A, huyện T phát hiện bà T điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, trên cổ có đeo dây chuyền, bị cáo L nhìn thấy và có ý định giật dây chuyền của bà T nên L kêu H quay đầu xe lại, H hiểu ngay ý định giật dây chuyền của L. H quay đầu xe lại chạy sau xe mô tô của bà T, cách chợ A1 khoảng 200 mét thì H điều khiển xe vượt lên xe mô tô bà T để L dùng tay phải giật dây chuyền của bà T, làm bà T và xe mô tô ngã xuống đường, hai bị cáo nhanh chóng tẩu thoát. Theo kết luận định giá tổng tài sản chiếm đoạt có trị giá là 75.555.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật, sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo biết rõ nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L và H đang ở độ tuổi lao động, có đủ sức khoẻ để lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân nhưng với bản tính lười lao động, mong muốn có tiền nhanh để thỏa mãn bản thân nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có bàn bạc, thoả thuận, sắp xếp phân công cụ thể, rõ ràng vai trò của từng người trước khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, L là người rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi giật dây chuyền của bà T làm cho bà T té xuống đường bị xây xát nhẹ nên L có vai trò cao hơn H. L và H có nhân thân không tốt, H có hai tiền án về hành vi trộm cắp tài sản không biết ăn năn hối cải lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng để ngăn ngừa, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo L: Không có;

Đối với bị cáo H: Bị cáo có tiền án, ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" và ngày 21/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không áp dụng tình tiết tái phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; riêng bị cáo H có ông nội tên Lương Văn P tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng kỷ niệm chương năm 2013 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo L đã nộp số tiền 4.000.000 đồng bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Thụ yêu cầu các bị cáo L và H bồi thường thiệt hại tài sản tổng số tiền 75.555.000đồng. Bị cáo L và H đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại Thụ. Bà L1 (mẹ bị cáo L) đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo L số tiền 4.000.000 đồng, còn lại 71.555.000 đồng chưa bồi thường.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/3/2024, bà T yêu cầu các bị cáo L và H tiếp tục liên đới trách nhiệm bồi thường số tiền 71.555.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo L và H đồng ý liên đới trách nhiệm bồi thường số tiền 71.555.000 đồng theo yêu cầu của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc các bị cáo L và H có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 71.555.000 đồng cho bị hại.

Đối với bà Đỗ Thị Bích L1 đã bồi thường cho bị hại Thụ số tiền 4.000.000 đồng thay bị cáo L, bà L1 không yêu cầu bị cáo L trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo L và H giật dây chuyền làm bà T té ngã xuống đường gây thương tích nhẹ, bà T không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tật và cũng không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 66H1-365.46, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, màu đen, số khung RLCUE171KY285733, số máy E3T6E423743, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong xe. Xét thấy, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe tên Trần Văn T1, ông T1 trình bày xe đã bán cho Lê Văn A chưa sang tên. Bà L1 cũng xác định mua xe của A và A kêu bà L1 đến gặp ông T1 để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe theo quy định. Tại Bản khai ngày 28/7/2023 ông T1 xác định xe thuộc sở hữu của bà Đỗ Thị Bích L1 và đồng ý ký tên mua bán sang tên cho bà L1. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại xe cho bà L1 quản lý, sử dụng.

[8] Đối với Nguyễn Văn N1 (Nu báo), sinh năm 1987, cư trú tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo L và H đều khẳng định N1 biết việc cướp giật tài sản và đi bán vàng dùm các bị cáo, Cơ quan điều tra chưa làm việc được và đã ra Quyết định số: 15/QĐ-TT ngày 01/9/2023 truy tìm người nhưng không được. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 10/10/2023 và ngày 15/01/2024 N1 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa đủ căn cứ xem xét hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" của N1. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ đối với N1 và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với người tên N. Tại phiên tòa, các bị cáo L và H khai đến nhà N chơi nhưng không gặp N nên cả hai điều khiển xe mô tô đi về xã A, huyện T thực hiện hành vi cướp giật tài sản, N không biết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử lý trách nhiệm của N.

[10] Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Bích L1 trình bày không biết bị cáo L sử dụng xe mô tô của bà nêu trên để cướp giật tài sản tại xã A, huyện T, bị cáo L khai mượn xe mô tô của bà L1 để đi chơi nên không xem xét xử lý trách nhiệm của bà L1.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[12] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Tấn L phạm tội: "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Đỗ Tấn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Văn H phạm tội: "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Đỗ Tấn L và Lương Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T giá trị tài sản bị mất số tiền 71.555.000đ (Bảy mươi một triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Bích L1: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66H1-365.46, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, màu đen, số khung RLCUE171KY285733, số máy E3T6E423743, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong xe.

(Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đỗ Tấn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lương Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đỗ Tấn L và Lương Văn H liên đới chịu 3.577.000đ (Ba triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà L1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ky

Huỳnh Kim Oanh